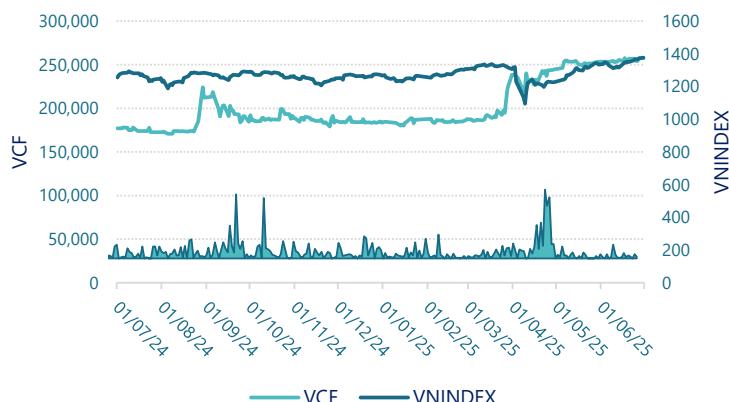


CTCP Vinacafé Biên Hòa (HSX: VCF)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	294,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	257,562
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	170,778
SL cổ phiếu LH	26,579,135
KLGD BQ 20 phiên (CP)	665
% sở hữu nước ngoài	0.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	7,836
P/E	15.4
EPS	19,148

DT thuần

Q2/25

636

tỷ VNĐ

QoQ: ▼37.0| -5.5%

YoY: ▲ 58.0| 10.0%

LN sau thuế

Q2/25

121

tỷ VNĐ

QoQ: ▼7.00| -5.4%

YoY: ▲ 23.0| 23.5%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

24.2%

+/- YoY: ▲ 2.8%

DT thuần

6T 2025

1,309

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 247| 23.2%

LN sau thuế

6T 2025

249

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 62.0| 33.5%

ROE

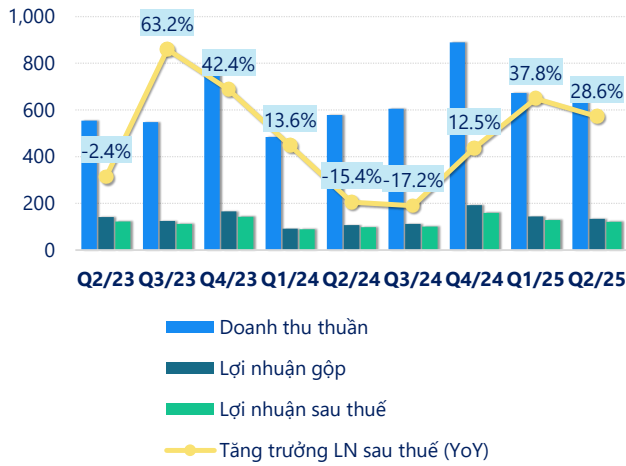
Q2/25

22.9%

+/- YoY: ▲ 1.7%

tỷ VNĐ

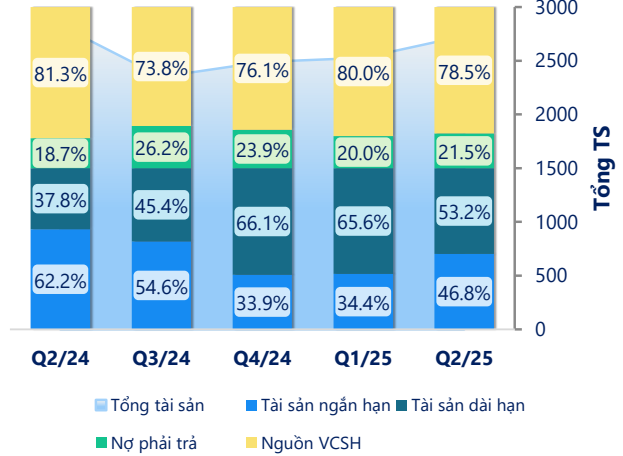
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

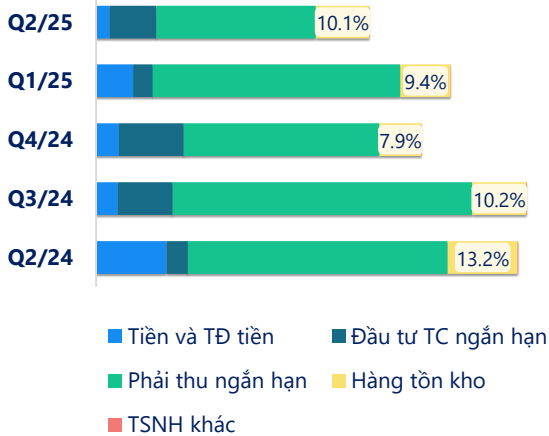
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



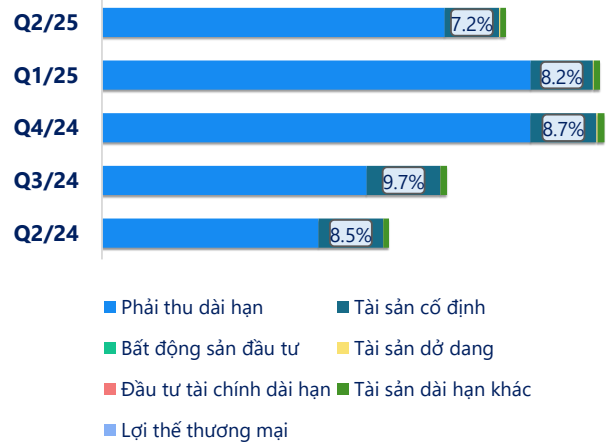
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

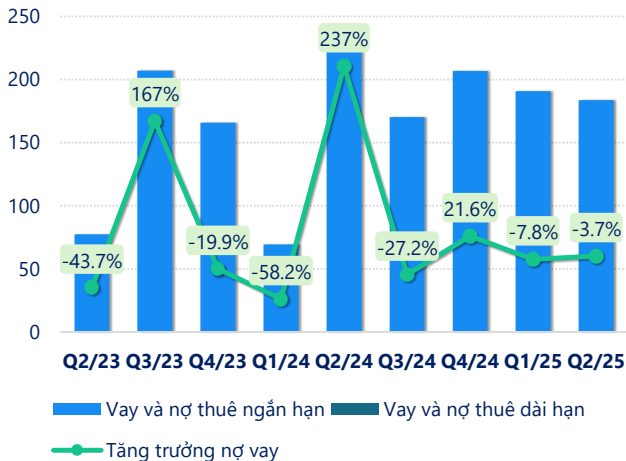
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

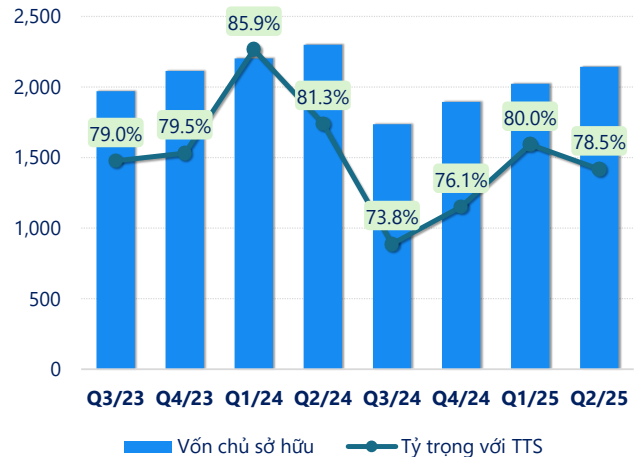
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

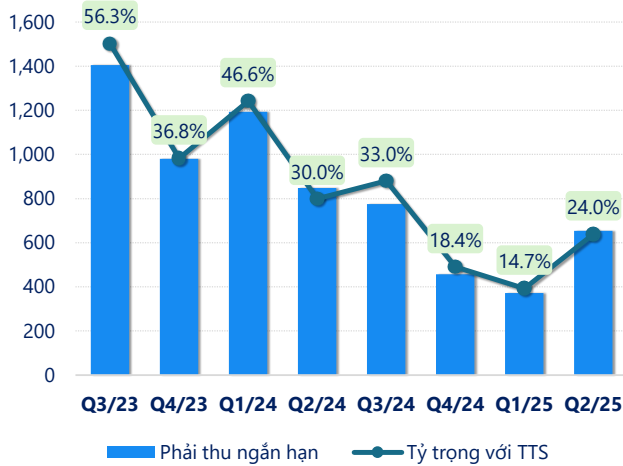
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



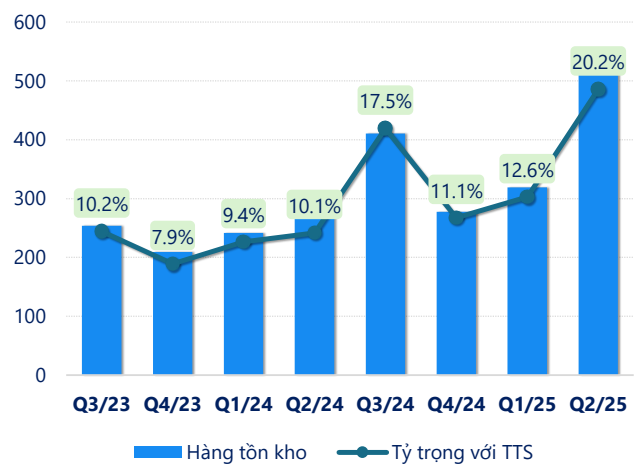
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


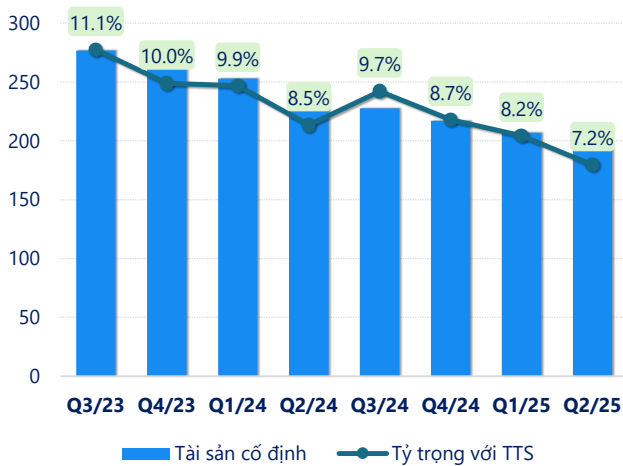
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


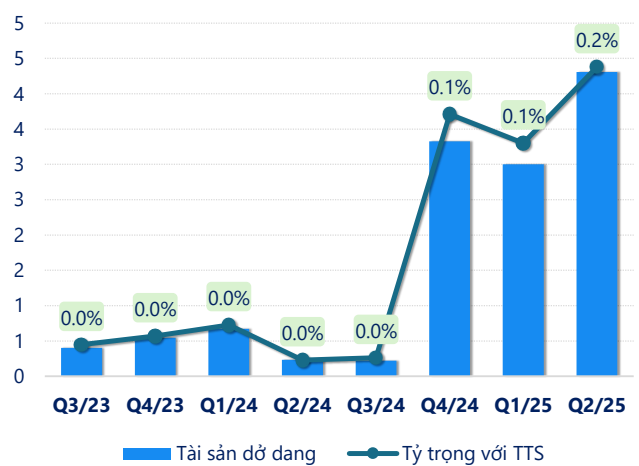
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

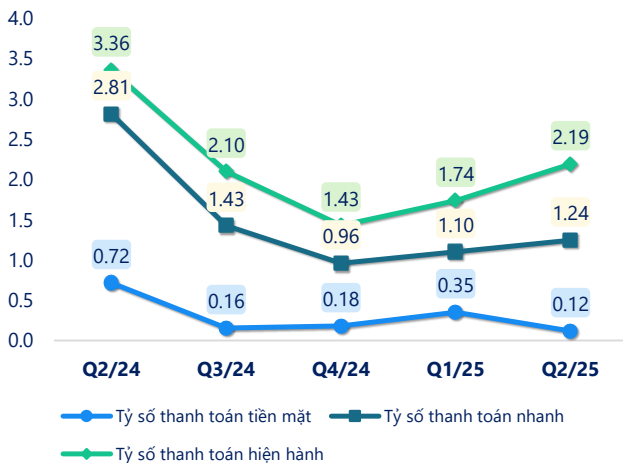
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	2,828	2,351	2,488	2,528	2,732
Tài sản ngắn hạn	1,760	1,283	843	871	1,279
Tiền và tương đương tiền	375	94.9	106	177	69.0
Đầu tư tài chính ngắn hạn	250	0.40	0.40	0.40	0.40
Phải thu ngắn hạn	848	776	457	372	654
Hàng tồn kho	285	411	277	319	553
Tài sản ngắn hạn khác	1.85	1.13	1.33	2.66	2.76
Tài sản dài hạn	1,068	1,068	1,646	1,658	1,453
Phải thu dài hạn	806	820	1,403	1,427	1,232
Tài sản cố định	241	228	217	207	196
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.23	0.22	3.32	3.00	4.31
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	20.8	20.7	22.4	21.0	19.7
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	529	616	594	505	588
Nợ ngắn hạn	524	611	589	501	584
Vay và nợ thuê ngắn hạn	234	170	207	191	184
Phải trả người bán ngắn hạn	194	174	239	212	252
Nợ dài hạn	4.37	4.34	4.33	4.25	4.28
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,299	1,736	1,895	2,023	2,144
Vốn chủ sở hữu	2,299	1,736	1,895	2,023	2,144
Vốn điều lệ	266	266	266	266	266
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)